Tạp chí
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

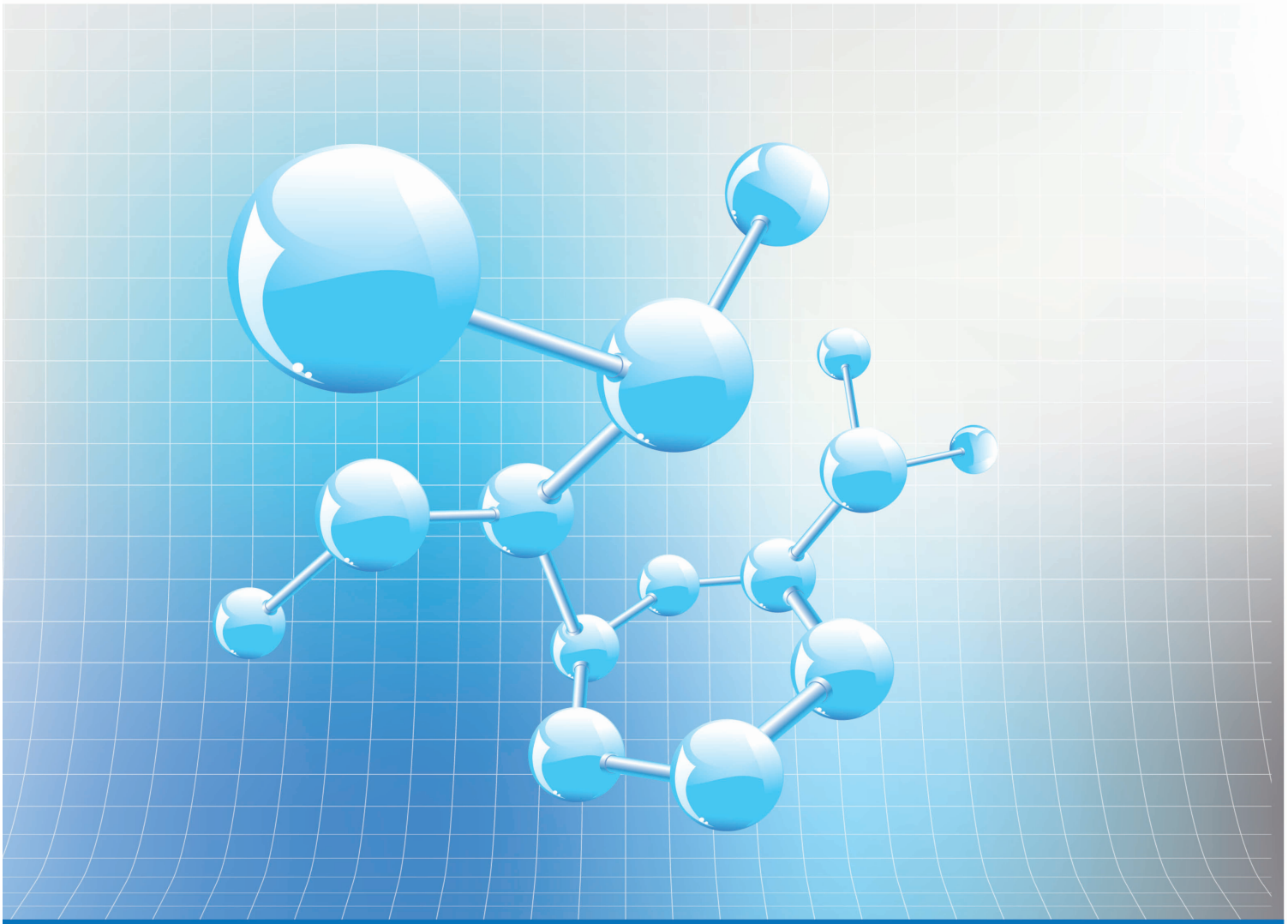

Số 4 (92)
2025

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

■ **Tổng Biên tập**
TS. Đỗ Văn Đỉnh

■ **Phó Tổng biên tập**
TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

■ **Thư ký Tòa soạn**
PGS.TS. Ngô Hữu Mạnh

■ **Hội đồng Biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên - Chủ tịch Hội đồng
GS.TS. Phạm Thị Ngọc Yến
PGS.TSKH. Trần Hoài Linh
PGS.TS. Nguyễn Văn Liễn
GS.TSKH. Thân Ngọc Hoàn
GS.TSKH. Bành Tiến Long
GS.TS. Nguyễn Đức Toàn
PGS.TS. Lê Thu Quý
GS.TS. Lê Anh Tuấn
GS.TS. Đinh Văn Sơn
PGS.TS. Trương Thị Thủy
PGS.TS. Nguyễn Thị Bất
GS.TS. Đỗ Quang Kháng
PGS.TS. Ngô Sỹ Lương
PGS.TS. Khuất Văn Ninh
GS.TSKH. Phạm Hoàng Hải
PGS.TS. Đoàn Ngọc Hải
PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà
GS.TS. Yu Ming Zhang
GS.TS. Nguyễn Văn Anh

■ **Ban Biên tập**

TS. Vũ Văn Đông - Trưởng ban
ThS. Đoàn Thị Thu Hằng - Phó Trưởng ban

■ **Editor-in-Chief**
Dr. Do Van Dinh

■ **Vice Editor-in-Chief**
Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen

■ **Office Secretary**
Assoc.Prof.Dr. Ngo Huu Manh

■ **Editorial Board**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen - Chairman
Prof.Dr. Pham Thi Ngoc Yen
Assoc.Prof.Dr.Sc. Tran Hoai Linh
Assoc.Prof.Dr. Nguyen Van Lien
Prof.Dr.Sc. Than Ngoc Hoan
Prof.Dr.Sc. Banh Tien Long
Prof.Dr. Nguyen Duc Toan
Assoc.Prof.Dr. Le Thu Quy
Prof.Dr. Le Anh Tuan
Prof.Dr. Dinh Van Son
Assoc.Prof.Dr. Truong Thi Thuy
Assoc.Prof.Dr. Nguyen Thi Bat
Prof.Dr. Do Quang Khang
Assoc.Prof.Dr. Ngo Sy Luong
Assoc.Prof.Dr. Khuat Van Ninh
Prof.Dr.Sc. Pham Hoang Hai
Assoc.Prof.Dr. Doan Ngoc Hai
Assoc.Prof.Dr. Nguyen Ngoc Ha
Prof.Dr. Yu Ming Zhang
Prof.Dr. Nguyen Van Anh

■ **Editorial**

Dr. Vu Van Dong - Head
MSc. Doan Thi Thu Hang - Deputy Head

Địa chỉ Tòa soạn:
Trường Đại học Sao Đỏ.
Số 76, Nguyễn Thị Duệ, KDC Thái Học 2, P. Chu Văn An, TP. Hải Phòng.
Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.
Website: http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.

TẠP CHÍ
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

TRONG SỐ NÀY

Số 4(92) 2025

LIÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA

Thiết kế bộ điều khiển có tham số thay đổi	5	Nguyễn Thu Hà Trần Tiến Đức Nguyễn Đức Quang
Ứng dụng phương pháp MPC để bù trễ truyền thông	11	Nguyễn Trọng Các
Ảnh hưởng của điện mặt trời áp mái nhà tới điện áp lưới điện phân phối	17	Nguyễn Đình Thắng Nguyễn Việt Đức Nguyễn Đức Thuận Nguyễn Thị Thu Hương Phạm Văn Nam Lê Viết Sơn Nguyễn Văn Hùng Nguyễn Đức Minh Đỗ Văn Đỉnh
Ứng dụng mạng neural tích chập kết hợp với bộ điều khiển khả trình PLC để hỗ trợ thực hiện tránh va tự động cho tàu thủy	26	Đinh Anh Tuấn Đoàn Hữu Khánh Mạc Trung Phúc Nguyễn Phương Tỵ
Nghiên cứu ứng dụng thị giác máy trong tự động hóa hệ thống rót than cho toa xe tại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV)	32	Lê Văn Thông Phương Mạnh Tuấn Phạm Thị Thu Hương Phạm Văn Nam Đỗ Văn Đỉnh

LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC

Mô phỏng ứng suất, chuyển vị, biến dạng và hệ số an toàn trong lắp ghép mặt bích ống chịu tải trọng phức hợp	39	Vũ Hoa Kỳ
Nghiên cứu ứng dụng ngôn ngữ lập trình Python tối ưu hóa chế độ cắt khi tiện CNC thép không gỉ AL-6XN	45	Mạc Thị Nguyên Nguyễn Thị Thảo Đào Văn Kiên
Phân tích đa vật lý về Điện - Nhiệt - Cơ của Vi kết nối	52	Mạc Văn Giang

TẠP CHÍ
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

TRONG SỐ NÀY

Số 4(92) 2025

LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC

Nghiên cứu tối ưu hóa tấm phẳng hợp kim nhôm 6061-T6 theo hai phương pháp hình dạng và cấu trúc	58	Nguyễn Văn Hinh
Mô phỏng và phân tích ứng suất, biến dạng trên dao phay carbide K10 khi phay mặt bên thép SKD61 theo hai sơ đồ tiếp xúc	65	Mạc Thị Nguyên Mạc Văn Giang

NGÀNH KINH TẾ

Giải pháp thúc đẩy phát triển sản phẩm dịch vụ trong thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay	72	Ngô Thị Luyện
Chi phí logistics và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam	78	Nguyễn Minh Tuấn
Tiến tới Net Zero -Thực trạng phát triển thị trường Các-bon tại Việt Nam	84	Lương Thị Hoa Nguyễn Thị Thủy
Truyền thông số trong Marketing du lịch địa phương: Trường hợp khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc, Thành phố Hải Phòng	90	Vũ Thị Hường
Chính sách thuế dưới giác độ cảm nhận của hộ kinh doanh	96	Phạm Thị Hồng Hoa

LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC - XÃ HỘI HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC

Ứng dụng chuyển đổi số trong giảng dạy học phần tư tưởng Hồ Chí Minh ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay	104	Nguyễn Thị Hải Hà
Lý luận năng suất lao động của Mác-Lênin và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số ngày nay	109	Vũ Văn Đông
Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ nhà giáo và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay	114	Đặng Thị Dung
Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay	120	Vũ Văn Đông Trần Thị Hồng Nhung
Phát triển nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số thông qua mô hình hợp tác đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp - Hướng đi mới cho quản lý giáo dục và nâng cao chất lượng lao động	125	Đỗ Thị Thùy

SCIENTIFIC JOURNAL
SAO DO UNIVERSITY

CONTENTS

No 4(92) 2025

TITLE FOR ELECTRICITY - ELECTRONICS - AUTOMATION

Design of a variable parameter controller	5	Nguyen Thu Ha Tran Tien Duc Nguyen Duc Quang
Application of Model predictive control for communication delay compensation	11	Nguyen Trong Cac
Effects of rooftop photovoltaic systems on distribution grid voltage	17	Nguyen Dinh Thang Nguyen Viet Duc Nguyen Duc Thuan Nguyen Thi Thu Huong Pham Van Nam Le Viet Son Nguyen Van Hung Nguyen Duc Minh Do Van Dinh
Application of convolutional neural network (CNN) combined with programmable logic controller (PLC) to support automatic collision avoidance for ships	26	Dinh Anh Tuan Doan Huu Khanh Mac Trung Phuc Nguyen Phuong Ty
A Study on the application of Machine vision in automating coal loading Systems for Railcars at Vietnam National Coal and Mineral Industries Group (TKV)	32	Le Van Thong Phuong Manh Tuan Pham Thị Thu Huong Pham Van Nam Do Van Dinh

TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING

Stress, displacement, strain and safety factor simulation in flange pipe assembly under complex loading	39	Vu Hoa Ky
Python based optimization of cutting parameters in CNC turning of AL-6XN stainless steel	45	Mac Thi Nguyen Nguyen Thi Thao Dao Van Kien
Multiphysics Analysis of Electro - Thermo - Mechanical Interactions in Micro - Interconnects	52	Mac Van Giang

SCIENTIFIC JOURNAL
SAO DO UNIVERSITY

CONTENTS

No 4(92) 2025

TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING

Research on optimizing 6061-T6 aluminum alloy flat plate using two methods shape and structure	58	Nguyen Van Hinh
Simulation and analysis of stress and strain on carbide K10 end mills for SKD61 steel side milling under two contact schemes	65	Mac Thi Nguyen Mac Van Giang

TITLE FOR ECONOMICS

Solutions to promote service products development in the current digital transformation period in Vietnam	72	Ngo Thi Luyen
Logistics costs and competitiveness of Vietnamese enterprises	78	Nguyen Minh Tuan
Toward Net Zero - The current development of the Carbon market in Vietnam	84	Luong Thi Hoa Nguyen Thi Thuy
Digital communication in Local Tourism Marketing: The Case of the Con Son - Kiep Bac Historical Site, Hai Phong City	90	Vu Thi Huong
Tax policy from the perspective of business households	96	Pham Thi Hong Hoa

TITLE FOR PHILOSOPHY - SOCIOLOGY - POLITICAL SCIENCE

The application of digital transformation in teaching the subject of Ho Chi Minh's thought at Sao Do University today	104	Nguyen Thi Hai Ha
The theory of labor productivity of Marx-Lenin and the viewpoint of the Communist Party of Vietnam in the context of today's digital transformation	109	Vu Van Dong
Ho Chi Minh's thoughts on building a team of teachers and its application by the Communist Party of Vietnam in the current period of industrialization and modernization	114	Dang Thi Dung
Ho Chi Minh's thought on the socialist rule of law state and its application by the Communist Party of Vietnam today	120	Vu Van Dong Tran Thi Hong Nhung
Developing human resources in the digital era through a training cooperation model between schools and businesses - A new direction for educational management and improving labor quality	125	Do Thi Thuy

Chính sách thuế dưới giác độ cảm nhận của hộ kinh doanh

Tax policy from the perspective of business households

Phạm Thị Hồng Hoa

Tác giả liên hệ: honghoa_dhsd@yahoo.com

Trường Đại học Sao Đỏ

Ngày nhận bài: 16/9/2025
Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 25/11/2025
Ngày chấp nhận đăng: 26/11/2025

Tóm tắt

Trước khi Luật số 56/2024/QH15 được ban hành, chính sách thuế đối với hộ kinh doanh tại Việt Nam còn tồn tại nhiều bất cập, như: Thủ tục rườm rà, thiếu minh bạch, mức thuế chưa phù hợp,… đang tạo áp lực tài chính cho hộ kinh doanh nhỏ. Sau khi Luật số 56/2024/QH15 có hiệu lực, mặc dù đã có cải tiến trong việc minh bạch hóa và số hóa thủ tục thuế, vẫn còn những vướng mắc liên quan đến cách tính thuế, mức khoán thuế và sự chênh lệch giữa các địa phương. Bài báo sử dụng khung lý thuyết về mức độ cảm nhận và sự hài lòng của người dân đối với chính sách công để xây dựng khung đánh giá và thang đo. Dữ liệu được thu thập từ khảo sát hộ kinh doanh tại 22 phường/xã thuộc phía tây thành phố Hải Phòng, phân tích bằng phần mềm SPSS với các kỹ thuật "Cronbach's Alpha, EFA và hồi quy tuyến tính". Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ hài lòng chịu ảnh hưởng mạnh từ sự minh bạch, tính hợp lý của mức thuế, quy trình thực hiện và thái độ phục vụ của cơ quan thu ngân sách. Bài báo đề xuất các hàm ý nhằm cải thiện niềm tin và sự đồng thuận của hộ kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi chính sách thuế trong thực tiễn.

Từ khóa: *Chính sách thuế; hộ kinh doanh; sự hài lòng.*

Abstract

Before Law No. 56/2024/QH15 was issued, tax regulations for business households in Vietnam still had many shortcomings such as cumbersome procedures, lack of transparency, inappropriate tax rates, creating financial pressure for small business households. After Law No. 56/2024/QH15 took effect, although there were improvements in transparency and digitalization of tax procedures, there were still problems related to tax calculation, tax rates and differences between localities. The article uses the theoretical framework on people's perception and satisfaction with public policies to build a research model and measurement scale. Data were collected from a survey of business households in a number of localities, analyzed using SPSS software with Cronbach's Alpha, EFA and linear regression techniques. The research results show that the level of satisfaction is strongly influenced by the transparency, reasonableness of tax rates, implementation procedures and service attitude of tax authorities. The article proposes implications to improve the trust and consensus of business households, contributing to improving the effectiveness of tax policy implementation in practice.

Keywords: *Tax policy; business households; satisfaction.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

"Hộ kinh doanh (HKD) do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ,…"(Chính phủ, 2021). Số lượng HKD tại Việt Nam có đăng ký và đang hoạt động trong cơ cấu nền kinh tế tương đối lớn, đặc biệt gắn với khu vực kinh tế tư nhân siêu nhỏ và nhỏ. Theo (Thủy Dương, 2025), "Việt Nam hiện có trên 5,2 triệu HKD, tạo ra 8-9 triệu việc làm, tương đương với khối công ty tư nhân". Với ưu điểm quy mô nhỏ, vốn kinh doanh ít, tính linh hoạt cao, khu vực này trở thành bộ phận năng động của nền kinh tế, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đa dạng của người dân. Những HKD này không chỉ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, mà còn đặc biệt rất nhiều trong lĩnh vực dịch vụ, bán lẻ, sản xuất nhỏ, thương mại nhỏ, lâm nghiệp, thủy sản hoặc cung ứng dịch vụ thiết yếu, hàng hóa tại địa phương. Mặc dù, doanh thu của HKD có đóng góp vào GDP tương đối lớn (khoảng 20% GDP), nhưng tỉ lệ đóng góp của HKD vào ngân sách nhà nước lại tương đối nhỏ chiếm trung bình khoảng trên 1% tổng thu ngân sách. Theo TMP Tax consulting & Agency JSC, "năm 2024 số thu ngân sách từ các HKD được quản lý ổn định khoảng 25.953 tỷ đồng, chiếm khoảng 1,47% tổng thu ngân sách".

Người phản biện: 1. PGS. TS. Lê Xuân Đình
2. TS. Vũ Văn Đông

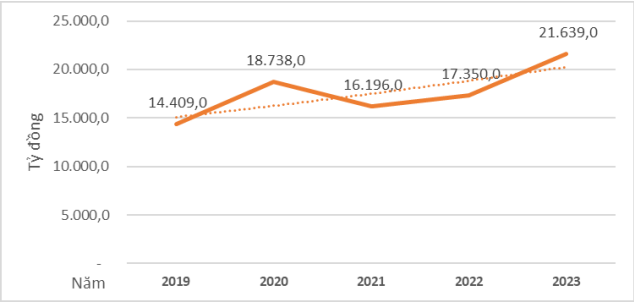

Hình 1. *Số thu thuế từ HKD giai đoạn 2019-2023*

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu thứ cấp)

Với đặc thù nhỏ lẻ và phân tán, HKD cũng là nhóm đối tượng khó quản lý về mặt thuế, khiến chính sách thuế (CST) luôn trở thành vấn đề quan trọng và nhạy cảm. CST vừa phải đảm bảo nguồn thu của ngân sách nhà nước, vừa phải khuyến khích HKD phát triển, đồng thời tạo sự công bằng và bình đẳng giữa các loại hình kinh doanh.

Trước khi Luật số 56/2024/QH15 (Luật số 56) được ban hành, CST đối với HKD chủ yếu dựa vào cơ chế thuế khoán. Theo đó, cơ quan thu ngân sách sẽ xác định mức thuế dựa trên doanh thu ước tính và ngành nghề đăng ký kinh doanh của từng HKD. HKD không cần hạch toán kế toán chi tiết, không phải lập báo cáo theo quy định của tài chính, và phần lớn HKD không phát hành hóa đơn, trừ khi có yêu cầu của khách hàng. HKD nhỏ, không đủ điều kiện để kê khai, hạch toán kế toán chi tiết thường nộp thuế theo phương pháp doanh thu khoán. Phương pháp này có ưu điểm là dễ áp dụng, đơn giản, giảm bớt thủ tục hành chính (TTHC) cho HKD và cơ quan thu ngân sách, tạo điều kiện cho những HKD nhỏ, siêu nhỏ hoạt động dễ dàng, tránh áp lực từ quy định phức tạp như doanh nghiệp (DN). Tuy nhiên, thực tế triển khai những năm qua đã bộc lộ nhiều hạn chế, như: Việc xác định doanh thu khoán thường mang tính chủ quan, phụ thuộc nhiều vào công chức thuế, dẫn đến tình trạng không minh bạch và thiếu công bằng giữa các HKD; trường hợp HKD cùng ngành nghề, cùng quy mô, nhưng mức thuế khác nhau giữa các đơn vị hành chính, gây tâm lý bức xúc và thiếu niềm tin vào chính sách. Ngoài ra, quy trình quản lý thuế còn thủ công, giấy tờ rườm rà, HKD phải trực tiếp đến cơ quan thu ngân sách nhiều lần. Điều này vừa gây tốn kém thời gian, chi phí, vừa tạo điều kiện cho những tiêu cực phát sinh trong quan hệ giữa HKD và công chức thuế. Mặt khác, là hệ thống quản lý HKD trước Luật 56 mang tính phân tán, mỗi cơ quan thu ngân sách cấp quận, huyện trực tiếp phụ trách toàn bộ HKD trên địa bàn, từ khâu đăng ký, khảo sát, ấn định mức thuế khoán đến thu nộp và xử lý vi phạm. Phương thức quản lý này khiến chất lượng phục vụ còn phụ thuộc nhiều vào năng lực công chức từng địa phương, thiếu sự thống nhất trong cả nước, dẫn đến nguy cơ trùng lặp, bỏ sót và khó kiểm soát tình trạng trốn thuế hoặc kê khai không trung thực.

Luật số 56 được ban hành và có hiệu lực đã đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc hiện đại hóa quản lý thuế đối với HKD, nhiều quy định mới như: bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử, quản lý doanh thu theo thực tế, số hóa trong kê khai và nộp thuế… Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu thực thi, hệ thống còn bộc lộ nhiều vướng mắc cả từ phía chính sách lẫn năng lực thực tiễn của người nộp thuế và cơ quan quản lý, như: chưa thống nhất cách xác định doanh thu tính thuế, khó khăn khi áp dụng hóa đơn điện tử, HKD nhỏ lẻ chưa đủ năng lực tiếp cận chính sách mới và đặc biệt là tâm lý e ngại gia tăng chi phí và thủ tục (HKD phải theo dõi doanh thu, phát hành hóa đơn, lưu trữ chứng từ, khai thuế điện tử,...). Tất cả những yếu tố trên có thể làm giảm sự sẵn sàng của HKD trong việc thực thi các quy định mới, ảnh hưởng đến hiệu quả cải cách thuế. Để có những khuyến nghị mang tính chất hỗ trợ và đồng bộ và gợi mở cho các cơ quan quản lý xây dựng hướng dẫn chi tiết và thống nhất trên toàn quốc cần có đánh giá khách quan, định lượng trong khía cạnh "cảm nhận" của HKD về tính công bằng, minh bạch và mức độ hài lòng của các HKD về triển khai các chính sách trong Luật số 56.

2. LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU

"Đồng thuận với chính sách công là mức độ mà người dân, hay các đối tượng chịu ảnh hưởng, nhìn nhận chính sách là đúng đắn, công bằng, hợp lý và sẵn sàng tuân thủ. Mức độ đồng thuận này phụ thuộc vào nhiều yếu tố tâm lý, xã hội, giá trị cá nhân, nhận thức rủi ro và lợi ích, cũng như tính hiệu quả của chính sách" (Mahdavi, 2021). Đồng thời theo Lý thuyết hành vi "một cá nhân sẽ có ý định thực hiện một hành vi cụ thể nếu có thái độ tích cực hoặc tiêu cực đối với hành vi, chuẩn mực xã hội hoặc áp lực từ người khác. Do đó, từ "ý định" đến hành vi thực tế (chấp nhận, tuân thủ) của cá nhân phụ thuộc mức độ đánh giá sự việc tích cực hay tiêu cực của chính cá nhân đó" (Ajzen, 1991)1985, 1987. Áp dụng trong trường hợp CST mới tại Luật số 56: "HKD sẽ cân nhắc thái độ (họ nghĩ chính sách mới minh bạch, công bằng hay không, có lợi hay bất lợi về tài chính), chuẩn mực (TTHC, sự hỗ trợ của công chức thuế) và kiểm soát hành vi (có thể áp dụng hóa đơn điện tử, có đủ kiến thức, thiết bị, thời gian,…)".

Ngoài ra, theo lý thuyết hành vi tổ chức và mối liên hệ với niềm tin "được coi là nhân tố trung gian rất quan trọng giữa các yếu tố như lãnh đạo, văn hóa tổ chức, chính sách nội bộ, với hành vi của người trong tổ chức. Mối liên hệ giữa niềm tin tổ chức với hành vi vượt ngoài nghĩa vụ cơ bản của nhân viên, thông qua cảm giác danh tính tổ chức và lòng trung thành của nhân viên" (Dai et al., 2022). Cùng với quan điểm về niềm tin tổ chức, (Hashemiamin et al., 2025), trong nghiên cứu Developing an Organizational Trust Model Using Grounded Theory tại Iran cho thấy, "niềm được xây dựng từ các yếu tố như tính đáng tin cậy, tính dự đoán được, sự quản lý minh bạch, quy trình rõ ràng, và

sự tương tác có đạo đức với các bên liên quan. Niềm tin này sau đó ảnh hưởng đến tính chính đáng của tổ chức, hiệu suất và sự hài lòng của người tham gia, bao gồm cả người dân và nhân viên".

Mặt khác, theo lý thuyết về tính hợp pháp và thuyết hỗ trợ chế độ (Legitimacy Theory & System Support) trong khoa học chính trị định nghĩa "một chế độ (chính phủ, thể chế) được xem là hợp pháp nếu người dân tin rằng, nó có quyền cai trị, thực thi luật pháp, cung cấp dịch vụ công, và làm điều đúng đắn" (Crosby et al., 2022). Đồng quan điểm này, (Gibson et al., 2005) đã khảo sát mức độ chấp nhận của công chúng với các chính sách mà họ không thích, nhưng vẫn chấp nhận vì họ tin vào tính hợp pháp của các thể chế ban hành chính sách đó. Kết quả cho thấy tính hợp pháp có ảnh hưởng đến việc chấp nhận của người dân nếu họ tin vào hệ thống thể chế, luật pháp và quyền lực được sử dụng hợp lý.

Tại Việt Nam, năm 2025 "VCCI đã thực hiện khảo sát gần 1.400 hộ kinh doanh trên toàn quốc về việc triển khai hóa đơn điện tử từ máy tính tiền theo Nghị định 70/2025. Kết quả cho thấy hộ kinh doanh nhỏ bị nhiều áp lực, lúng túng trong áp dụng chính sách mới" (Yến Nhung, 2025). Ngoài ra, trong khảo sát 1.930 lượt hộ kinh doanh và 2.018 cá nhân là người nộp thuế, cùng DN và tổ chức tại tỉnh Lai Châu về sự phục vụ, hỗ trợ, thái độ của cơ quan thu ngân sách. Kết quả khảo sát chưa phản ánh thái độ, cảm nhận của các HKD trước sự thay đổi chính sách, tính chấp nhận hay lo ngại, chưa công bố định lượng chi tiết các biến với hệ số ảnh hưởng, chưa cụ thể khảo sát HKD về CST mới (Lai Châu, 2024). Các nghiên cứu trên về thuế HKD chủ yếu tập trung vào khía cạnh kỹ thuật quản lý hoặc phân tích tính pháp lý, không đi sâu vào nghiên cứu cảm nhận, mức độ hài lòng, niềm tin và sự chấp nhận của HKD đối với CST. Trong khi đó, CST chỉ thực sự hiệu quả khi được người dân - đối tượng thực thi - đồng thuận và chấp nhận. Do vậy, việc nghiên cứu CST dưới giác độ cảm nhận của HKD là cần thiết, không chỉ giúp nhận diện những yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của HKD, mà còn đưa ra hàm ý chính sách nhằm hoàn thiện hệ thống thuế, xây dựng niềm tin xã hội và thúc đẩy HKD phát triển bền vững.

Trên khung lý thuyết và thực tiễn CST đối với HKD, bài báo xây dựng khung nghiên cứu với các biến độc lập, biến phụ thuộc. Khung đánh giá sự cảm nhận của HKD với CST có các biến quan sát cụ thể tại Hình 2.

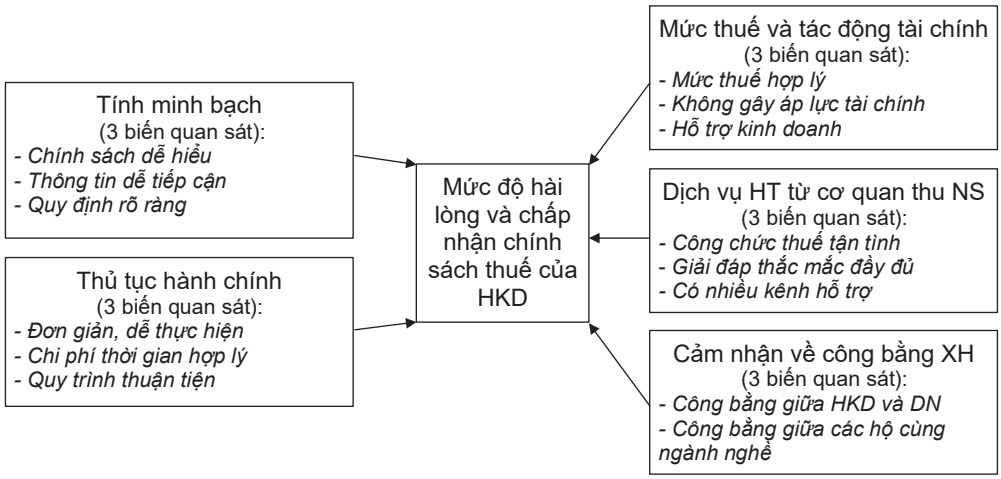

Hình 2. Khung phân tích sự cảm nhận của HKD với CST

Các biến quan sát được sử dụng thang đo Likert 5 mức độ để lượng hóa cảm nhận của HKD. Thang đo được kiểm định qua các bước đánh giá độ tin cậy và giá trị trước khi đưa vào phân tích chính thức.

3. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

3.1. Dữ liệu phân tích

Dữ liệu được thu thập từ quý II/2025 của 450 HKD cá thể tại 22 phường/xã thuộc phía tây thành phố Hải Phòng đại diện cho các khu vực địa lý khác nhau (đô thị, nông thôn, miền núi) bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến với sự trợ giúp của sinh viên khoa Kinh tế, Trường Đại học Sao Đỏ. Dữ liệu sau khi thu thập được phân tích kỹ thuật "Cronbach's Alpha, EFA và hồi quy tuyến tính".

Kết quả đánh giá cho biết các nhóm thang đo đều có hệ số "Cronbach's Alpha" trong khoảng 0,78-0,89, vượt ngưỡng 0,7 theo chuẩn mực của Nunnally & Burnstein (1994), cụ thể: mức độ hài lòng (0,81), tính minh bạch (0,89), TTHC (0,82), mức thuế và tác động tài chính (0,84), dịch vụ hỗ trợ (0,85), công bằng xã hội (0,78). Kết quả trên phản ánh mức độ tin cậy tốt. Các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến - tổng nhỏ hơn 0,3, vì vậy không loại bỏ biến nào trong quá trình kiểm định. Điều này cho thấy các biến quan sát trong cùng một thang đo có mối liên hệ chặt chẽ, phản ánh cùng một khái niệm; các nhóm thang đo thể hiện các khái niệm khác biệt như "tính minh bạch" liên quan đến khả năng tiếp cận thông tin, trong khi "TTHC" phản ánh chi phí tuân thủ và công cụ đo lường được thiết

kế phù hợp, đáng tin cậy và phản ánh đúng các khái niệm lý thuyết.

3.2. Đánh giá EFA, CFA và hồi quy

Kết quả đánh giá EFA đã cho biết sự phù hợp với mô hình lý thuyết ban đầu của 5 nhóm nhân tố chính. Tổng phương sai trích đạt 63,4%, vượt ngưỡng 50% theo chuẩn mực. Kết quả đã khẳng định 5 nhân tố giải thích được phần lớn sự biến thiên của dữ liệu, cụ thể: tính minh bạch của chính sách có hệ số tải nhân tố dao động từ 0,68 đến 0,82 (phản ánh tầm quan trọng của thông tin rõ ràng và dễ tiếp cận trong việc hình thành sự hài lòng của HKD); TTHC có hệ số tải từ 0,65 đến 0,75; dịch vụ hỗ trợ từ cơ quan thu ngân sách có hệ số tải từ 0,67 đến 0,73 (hệ số tải ở mức trung bình nhưng vẫn giữ vai trò quan trọng, cho thấy HKD quan tâm đến cả khía cạnh thủ tục lẫn sự hỗ trợ từ cơ quan thu ngân sách); mức thuế và tác động tài chính có hệ số tải từ 0,70 đến 0,83 (khẳng định rằng gánh nặng thuế và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh là yếu tố trọng yếu); cảm nhận về công bằng xã hội có hệ số tải từ 0,64 đến 0,78 (có hệ số tải thấp hơn so với các nhóm khác, song vẫn được giữ lại như một nhân tố riêng biệt, phản ánh sự quan tâm nhất định của HKD đối với yếu tố công bằng). Tất cả các biến quan sát không bị loại bỏ trong quá trình phân tích, cho thấy sự phù hợp giữa dữ liệu phân tích và khung lý thuyết. Ngoài ra, kết quả khẳng định cấu trúc thang đo ban đầu là phù hợp, 5 nhóm nhân tố độc lập được giữ nguyên như trong khung lý thuyết với KMO = 0,85, Bartlett's Test có ý nghĩa (p < 0,001) và tổng phương sai trích là 63,4%. Kết quả cho thấy bộ thang đo được xây dựng có giá trị hội tụ và phân biệt tốt. Kết quả đánh giá EFA đã khẳng định rằng 5 khía cạnh quan trọng nhất (minh bạch, TTHC, mức thuế, dịch vụ hỗ trợ và công bằng xã hội) có thể đo lường một cách đáng tin cậy và được HKD cảm nhận rõ ràng. Điều này tạo cơ sở để đưa ra các hàm ý chính sách, nhằm cải thiện sự hài lòng và mức độ chấp nhận CST trong thực tiễn.

Ngoài ra, kết quả đánh giá CFA cho thấy khung đo lường có giá trị Chi-square/df = 1,85 (<3), điều này khẳng định khung đo lường có mức độ phù hợp với dữ liệu tốt. Giá trị CFI = 0,94, TLI = 0,92 (>0,90) cho thấy độ phù hợp so sánh và độ tin cậy gia tăng đều đạt chuẩn. Giá trị RMSEA = 0,048 (<0,05) cho thấy mức phù hợp rất tốt, chứng tỏ sai số ước lượng thấp. Các hệ số chuẩn hóa của các biến quan sát đều vượt ngưỡng 0,6 (từ 0,65 đến 0,85). Điều này cho thấy mỗi biến quan sát phản ánh tốt khái niệm mà nó đo lường. Giá trị hội tụ AVE, CR của các biến: tính minh bạch (0,59; 0,81); TTHC (0,55; 0,79); mức thuế và tác động tài chính (0,62; 0,85); dịch vụ hỗ trợ từ cơ quan thu ngân sách (0,57; 0,83); cảm nhận về công bằng xã hội (0,52; 0,78); mức độ hài lòng và chấp nhận chính sách (0,61; 0,82) đã khẳng định tính hội tụ và độ tin cậy tổng hợp cao.

Kết quả trên cho thấy biến độc lập về "tính minh bạch và mức thuế" là hai nhân tố có hệ số tải cao nhất, phản ánh rằng HKD đặc biệt quan tâm đến sự rõ ràng, dễ hiểu của chính sách và mức thuế phải nộp so với thu nhập. Điều này phù hợp với thực tiễn, khi đã có nhiều phân tích khẳng định: "CST cần phải minh bạch và gánh nặng thuế đối tượng chịu thuế". Biến "dịch vụ hỗ trợ và TTHC" giữ vai trò quan trọng, nhưng không quá nổi bật. Tuy vậy, hệ số tải của nhóm này vẫn đạt chuẩn khẳng định rằng, sự thuận tiện và thái độ phục vụ của công chức thuế có ảnh hưởng đáng kể đến sự hài lòng của HKD. Biến "công bằng xã hội" là nhân tố có hệ số tải thấp hơn so với các nhóm khác, nhưng vẫn đảm bảo giá trị đo lường. Điều này cho thấy HKD tuy chú trọng đến sự công bằng, song yếu tố này thường gắn liền với so sánh mang tính tương đối, ảnh hưởng trực tiếp ít hơn so với minh bạch và gánh nặng thuế.

Mặt khác, để đo lường và đánh giá mức độ hài lòng của HKD đến CST, nghiên cứu sử dụng phương pháp hồi quy tuyến tính bội giữa 05 nhân tố ảnh hưởng từ khung phân tích lý thuyết. Kết quả đánh giá cho thấy giá trị R^2 = 0,812 (giá trị R^2 cho biết rằng các biến độc lập trong khung phân tích có thể giải thích được 81,2% sự thay đổi của biến phụ thuộc) tương đối cao, tức là sự hài lòng của HKD phụ thuộc nhiều vào các yếu tố như: tính minh bạch của chính sách, TTHC, mức thuế và tác động tài chính, dịch vụ hỗ trợ của cơ quan thu ngân sách và tính công bằng giữa HKD và DN.

Kết quả đánh giá hồi quy đa biến cho thấy, HKD đánh giá cao về tầm quan trọng của tính minh bạch của CST khi có thể tiếp cận thông tin rõ ràng, dễ hiểu và được công khai tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông chính thống của cơ quan quản lý. Ngược lại, nếu thông tin thiếu minh bạch hoặc có sự khác biệt giữa các địa phương, mức độ hài lòng sẽ giảm mạnh.

Bảng 1. *Kết quả đánh giá hồi quy*

Model Summary[b]					
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.826[a]	.812	.857	.478	1.951
a. Predictors: (Constant), ttmb, tthc, mttd, dvht, cbxh					
b. Dependent Variable: hlhkd					

ANOVA[a]						
Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	148.327	5	29.665	124.83	.000[b]
	Residual	76.318	437	0,243		
	Total	224.645	446			
a. Dependent Variable: hlhkd						
b. Predictors: (Constant), ttmb, tthc, mttd, dvht, cbxh						

Hồi quy tuyến tính						
Nhân tố	Hệ số chưa chuẩn hóa		t	Sig	Thống kê cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn			Độ chấp nhận	VIF
Hằng số	-.669					
Tính minh bạch	.340	.022	8.211	.000	0.642	1.560
Mức thuế và tác động tài chính	.294	.020	7.450	.000	0.625	1.612
Dịch vụ hỗ trợ	.235	.019	6.023	.000	0.716	1.411
Thủ tục hành chính	.189	.020	4.721	.000	0.693	1.475
Cảm nhận về công bằng xã hội	.127	.019	3.285	.000	0.752	1.332

Các hệ số của hàm hồi quy đa biến cũng khẳng định tầm quan trọng của từng yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của HKD về CST (sự hài lòng = 0,340 tính minh bạch + 0,294 mức thuế và tác động tài chính + 0,235 dịch vụ hỗ trợ + 0,189 thủ tục hành chính + 0,127 công bằng xã hội)".

Trong đó:

- "Tính minh bạch" là nhân tố có ảnh hưởng mạnh nhất. Điều này khẳng định rằng CST càng rõ ràng, dễ hiểu, được công khai trên các phương tiện truyền thông chính thống và dễ tiếp cận, HKD càng có xu hướng hài lòng và chấp nhận. Ngược lại, nếu thông tin thiếu minh bạch hoặc có sự khác biệt giữa các địa phương, mức độ hài lòng sẽ giảm mạnh. Đây là bằng chứng ủng hộ giả thuyết rằng, tính minh bạch đóng vai trò nền tảng trong quản lý thuế.

- "Mức thuế và tác động tài chính" đứng thứ hai, cho thấy, tính hợp lý của gánh nặng thuế có tác động lớn đến tâm lý HKD. Một CST cân đối giữa nghĩa vụ và khả năng tạo thu nhập sẽ nâng cao sự chấp nhận. HKD chấp nhận nghĩa vụ thuế khi thấy mức thuế hợp lý, tương xứng với khả năng tạo thu nhập và không trở thành gánh nặng khiến họ phải thu hẹp hoặc ngừng kinh doanh.

- "Dịch vụ hỗ trợ từ cơ quan thu ngân sách" cũng có ảnh hưởng đáng kể (phản ánh vai trò quan trọng của thái độ và năng lực phục vụ của công chức thuế, nếu cơ quan thu ngân sách hỗ trợ kịp thời và hiệu quả, HKD sẽ hài lòng hơn). Sự hỗ trợ từ cơ quan thu ngân sách được đánh giá tích cực ở những nơi công chức thuế có thái độ thân thiện, nhiệt tình, nhưng chưa đồng đều.

- "Thủ tục hành chính" có tác động tích cực nhưng thấp hơn so với ba yếu tố trên. Điều này phù hợp trong bối cảnh ngành thuế đang tích cực chuyển đổi số, các TTHC được thực hiện trên không gian mạng ở bất cứ nơi đâu, HKD không nhất thiết phải đến trụ sở các cơ quan thu ngân sách để thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định. Tuy nhiên, điều này vẫn chỉ ra rằng, thủ tục càng đơn giản và chi phí tuân thủ giảm có thể cải thiện sự hài lòng đáng kể của HKD.

- "Cảm nhận công bằng xã hội" có ảnh hưởng thấp nhất, nhưng vẫn có ý nghĩa về mặt thống kê. Điều này chứng tỏ, trong nghĩa vụ thuế HKD vẫn quan tâm đến sự công bằng và có thể do HKD chủ yếu quan tâm đến quyền lợi trực tiếp của bản thân thay vì so sánh với DN khác. Yếu tố này không phải là mối quan tâm hàng đầu của HKD so với sự minh bạch trong CST và gánh nặng tài chính của mức thuế.

4. HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Kết quả phân tích đã cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm vững chắc cho việc đề xuất các hàm ý chính sách nhằm cải thiện sự hài lòng và mức độ chấp nhận CST của HKD tại Việt Nam. Từ kết quả đánh giá trên và kinh nghiệm từ các quốc gia trong khu vực ASEAN có thể giúp Việt Nam xây dựng CST hiệu quả hơn, phù hợp với thực tiễn kinh tế hiện tại và đáp ứng được xu thế của thế giới.

Thứ nhất, nâng cao tính minh bạch (đây là yếu tố then chốt để xây dựng niềm tin của người dân nói chung và HKD nói riêng). Tính minh bạch là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến sự hài lòng của HKD. Đây là

bằng chứng ủng hộ quan điểm minh bạch là nền tảng của quản lý thuế hiện đại. Việt Nam cần học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia như Singapore và Malaysia để cải thiện điểm này. Tại Singapore với IRAS (Cơ quan Thuế vụ nội địa Singapore) đã xây dựng một trang thông tin điện tử tập trung, cung cấp đầy đủ và dễ hiểu các hướng dẫn, biểu mẫu và công cụ tính thuế cho tiểu thương và SMEs. Cổng thông tin này sử dụng ngôn ngữ đơn giản, kết hợp với các ví dụ minh họa và video hướng dẫn, giúp người nộp thuế dễ dàng tuân thủ các quy định. Việt Nam cần phát triển một cổng thông tin tương tự, đảm bảo tất cả thông tin thuế chính thức được công khai, thống nhất và dễ dàng truy cập. Hay như tại Malaysia đã triển khai các chiến dịch truyền thông giáo dục trên nhiều nền tảng, bao gồm cả mạng xã hội, để phổ biến kiến thức thuế đến cộng đồng tiểu thương và SMEs. Các buổi hội thảo trực tuyến và hỏi đáp thường xuyên giúp giải đáp thắc mắc kịp thời, giảm thiểu sự hiểu lầm về chính sách. Việt Nam có thể áp dụng mô hình này để nâng cao nhận thức và sự hiểu biết của HKD về các quy định thuế mới.

Thứ hai, cân bằng mức thuế và tác động tài chính (thúc đẩy sự tăng trưởng). Kết quả nghiên cứu cho thấy, gánh nặng thuế là một mối quan tâm lớn đối với HKD. Một CST cân đối giữa nghĩa vụ và khả năng tạo thu nhập sẽ nâng cao sự chấp nhận. Tại Thái Lan đã áp dụng các chính sách ưu đãi thuế cho các SMEs, bao gồm cả các hộ kinh doanh cá thể, với mức thuế suất thấp hơn hoặc miễn thuế trong giai đoạn đầu thành lập. Điều này giúp các HKD có thêm nguồn lực để đầu tư và phát triển. Việt Nam có thể nghiên cứu áp dụng một hệ thống thuế lũy tiến hoặc các gói ưu đãi thuế riêng biệt cho các HKD mới thành lập hoặc hoạt động trong các ngành nghề ưu tiên. Như kinh nghiệm của Indonesia là đã đơn giản hóa thuế cho các SMEs thông qua việc áp dụng mức thuế suất cuối cùng trên doanh thu, giúp việc tính toán thuế trở nên đơn giản hơn nhiều. Việt Nam có thể cân nhắc áp dụng một mô hình tương tự để giảm gánh nặng tuân thủ cho HKD, đặc biệt là những hộ có doanh thu thấp.

Thứ ba, cải thiện dịch vụ hỗ trợ và đơn giản hóa TTHC. Dịch vụ hỗ trợ và TTHC, mặc dù có ảnh hưởng thấp hơn so với minh bạch và thuế, vẫn rất quan trọng. Việc cải thiện hai yếu tố này là cần thiết để nâng cao sự hài lòng. Tại Philippines đã triển khai một hệ thống trực tuyến (MyTax) cho phép người nộp thuế thực hiện toàn bộ quy trình từ đăng ký, khai báo, đến nộp thuế mà không cần phải đến cơ quan thu ngân sách. Điều này giảm đáng kể thời gian và chi phí tuân thủ. Việt Nam cần tiếp tục đầu tư vào chuyển đổi số, hoàn thiện các dịch vụ thuế điện tử để HKD thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước một cách thuận tiện nhất. Hay như tại Thái Lan và Malaysia đã chú trọng đào tạo đội ngũ công chức thuế theo định hướng "phục vụ", không chỉ đơn thuần là "quản lý". Công chức thuế được trang bị kỹ năng mềm và kiến thức chuyên sâu để hỗ trợ HKD một cách hiệu quả và thân thiện, đặc biệt là chuyển đổi HKD thành DN với thủ tục đơn giản, miễn giảm thuế và hỗ trợ kỹ thuật, giúp khu vực này đóng góp tới 40% GDP. Việc này không chỉ giúp thay đổi nhận thức của HKD về cơ quan thu ngân sách, từ một cơ quan kiểm soát sang một đối tác hỗ trợ, mà còn khuyến khích "nâng cấp" HKD thành DN.

Thứ tư, nâng cao cảm nhận về công bằng xã hội. Mặc dù có ảnh hưởng thấp nhất trong số các nhân tố đã đánh giá, nhưng cảm nhận về công bằng xã hội vẫn có ý nghĩa về mặt thống kê. Điều này chứng tỏ HKD quan tâm đến sự công bằng trong nghĩa vụ với Nhà nước. Tại Nhật Bản thường xuyên công bố các trường hợp trốn thuế lớn bị xử lý nghiêm, điều này giúp củng cố niềm tin của nhân dân vào tính công bằng của hệ thống thuế. Cơ quan thu ngân sách nhà nước của Việt Nam có thể tăng cường truyền thông về việc xử lý nghiêm các trường hợp gian lận thuế, đặc biệt là của các DN lớn, để chứng minh rằng tất cả các đối tượng nộp thuế đều được đối xử công bằng, cũng như thường xuyên tổ chức các diễn đàn đối thoại công khai giữa cơ quan thu ngân sách và cộng đồng HKD sẽ giúp thu thập phản hồi, lắng nghe các mối quan tâm về sự công bằng, từ đó điều chỉnh chính sách một cách hợp lý hơn.

Mặc dù mỗi quốc gia có bối cảnh kinh tế, nguồn lực quản lý thuế, hạ tầng công nghệ khác nhau, văn hóa tuân thủ, trình độ nhận thức về thuế, mức độ hiểu biết pháp luật của HKD cũng rất khác nhau. Tuy nhiên, kết quả đánh giá thực nghiệm và kinh nghiệm của các quốc gia trong khu vực, Việt Nam có thể cải thiện sự hài lòng của HKD đối với CST bằng cách ưu tiên tính minh bạch, điều chỉnh hợp lý mức thuế, đơn giản hóa TTHC, cải thiện dịch vụ hỗ trợ và tăng cường cảm nhận về sự công bằng.

5. KẾT LUẬN

Phân tích CST đối với HKD thông qua phân tích và đánh giá mức độ cảm nhận và sự hài lòng của các HKD sau khi Luật số 56 có hiệu lực đã chỉ ra rằng, trước khi có CST mới, các CST cũ còn thiếu minh bạch, thủ tục rườm rà và tạo áp lực tài chính cho HKD. Dữ liệu phân tích đã xác định các yếu tố chính ảnh hưởng mạnh đến sự hài lòng của HKD với CST: tính minh bạch, mức thuế hợp lý, dịch vụ hỗ trợ, TTHC và cảm nhận về công bằng xã hội. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy tính minh bạch và gánh nặng thuế là hai yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất đến sự hài lòng của HKD. Từ kết quả phân tích kết hợp với kinh nghiệm của một số quốc gia ASEAN đã khẳng định tính minh bạch, linh hoạt và sự hỗ trợ hiệu quả của cơ quan thu ngân sách là chìa khóa để HKD chấp nhận các CST. Các khuyến nghị chính sách không chỉ nhằm

nâng cao sự hài lòng của HKD, mà còn tạo dựng một môi trường kinh doanh công bằng, bền vững. Để triển khai những chính sách có hiệu quả, bền vững, cần có đánh giá tác động thực tế, chi phí và lợi ích đối với ngân sách và HKD. Mặc dù, nghiên cứu có tính định lượng, nhưng còn một số hạn chế như phạm vi nghiên cứu nhỏ, chưa phản ánh hết sự đa dạng của HKD trên toàn quốc, chưa phân tích sâu theo từng lĩnh vực kinh doanh, phương pháp nghiên cứu chưa kết hợp phỏng vấn sâu để làm rõ thêm nguyên nhân của những khác biệt trong cảm nhận,… Để tiếp tục có thể nghiên cứu sâu về vấn đề này, tác giả rất mong được sự góp ý của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý và HKD.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Chính phủ (2021), *Khoản 1 Điều 79 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp*, Hà Nội.

[2]. Thủy Dương (2025), *Vì sao hơn 5,2 triệu hộ kinh doanh 'mãi không chịu lớn*, https://vnexpress.net/vi-sao-hon-5-2-trieu-ho-kinh-doanh-mai-khong-chiu-lon-vnepre-4867824.html.

[3]. https://tpm.com.vn/tax-management-for-business-households-a-breakthrough-for-transparency-modernity-and-fairness/?

[4]. Taghi Mahdavi (2021), *Application of the 'theory of planned behavior' to understand farmers' intentions to accept water policy options using structural equation modeling*, 21 (6): 2720-2734.

[5]. I.Ajzen (1991), *The theory of planned behavior*, Organizational Behavior and Human Decision Processes, Volume 50, pp. 179-211.

[6]. Dai et al., (2022), *How organizational trust impacts organizational citizenship behavior: Organizational identification and employee loyalty as mediators*, 13, 996962.

[7]. Hashemiamin et al,. (2025) , *Developing an Organizational Trust Model Using Grounded Theory*. Volume 16, Issue 2, pp 107-156.

[8]. Crosby et al., (2022), *The effects on clinical trial activity of direct funding and taxation policy interventions made by government: A systematic review*. 1 https://doi.org/0.1371/journal.pone.0269021.

[9]. Gibson et al., (2005), *Why Do People Accept Public Policies They Oppose? Testing Legitimacy Theory with a Survey-Based Experiment.* Volume 58, 187-121.

[10]. Yến Nhung (2025), *Cải cách thuế hộ kinh doanh: Cần hướng dẫn rõ ràng, hỗ trợ thực chất*. https://diendandoanhnghiep.vn/cai-cach-thue-ho-kinh-doanh-can-huong-dan-ro-rang-ho-tro-thuc-chat-10157465.html?.

[11]. https://laichau.gov.vn/tin-tuc-su-kien/so-nganh-huyen-thanh-pho/cach-thuc-hien-danh-gia-su-hai-hong-cua-nguoi-nop-thue.html.

AUTHOR INFORMATION

Pham Thi Hong Hoa

Corresponding Author: honghoa_dhsd@yahoo.com

Sao Do University.

THỂ LỆ GỬI BÀI
TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ (P. ISSN 1859-4190, E. ISSN 2815-553X), thường xuyên công bố kết quả, công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên ở trong và ngoài nước.

1. Tạp chí xuất bản 01 số/quý bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Tạp chí nhận đăng các bài báo khoa học thuộc các lĩnh vực: Điện - Điện tử - Tự động hóa; Cơ khí - Động lực; Kinh tế; Triết học - Xã hội học - Chính trị học; Các lĩnh vực khác gồm: Công nghệ thông tin; Hóa học - Công nghệ thực phẩm; Ngôn ngữ học; Toán học; Vật lý; Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao...
2. Bài nhận đăng là những công trình nghiên cứu khoa học chưa công bố trong bất kỳ ấn phẩm khoa học nào.
3. Tòa soạn chỉ nhận bài báo gửi online trên website http://tapchikhcn.saodo.edu.vn. Bài báo gửi về toà soạn dưới dạng file điện tử (*.doc *.docx và *.pdf); cuối bài báo, tác giả ghi rõ thông tin địa chỉ liên hệ, số điện thoại, email và cập nhật thông tin trên website. Bài báo phải được trình bày đúng định dạng, rõ ràng; Trường hợp bài báo phải chỉnh sửa theo thể lệ hoặc theo yêu cầu của Phản biện thì tác giả sẽ cập nhật trên website. Người phản biện sẽ do tòa soạn mời. Tòa soạn không gửi lại bài nếu không được đăng.
4. Các công trình thuộc đề tài nghiên cứu có Cơ quan quản lý cần kèm theo giấy phép cho công bố của cơ quan (Tên đề tài, mã số, tên chủ nhiệm đề tài, cấp quản lý,...).
5. Tên bài báo trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 14, in đậm, căn giữa.
6. Tên tác giả (không ghi học hàm, học vị), font Arial, cỡ chữ 10, in đậm, căn lề phải; cơ quan công tác của các tác giả, font Arial, cỡ chữ 9, in nghiêng, căn lề phải.
7. Chữ "Tóm tắt" in đậm, font Arial, cỡ chữ 10; Nội dung tóm tắt của bài báo không quá 10 dòng, trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 10, in thường.
8. Chữ "Từ khóa" in đậm, nghiêng, font Arial, cỡ chữ 10; Có từ 03÷05 từ khóa, font Arial, cỡ chữ 10, in nghiêng, ngăn cách nhau bởi dấu chấm phẩy, cuối cùng là dấu chấm.
9. Nội dung bài báo viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Việt: Tiêu đề tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Tóm tắt tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Từ khóa tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Anh: Tiêu đề tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Tóm tắt tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Từ khóa tiếng Anh trước, tiếng Việt sau.
10. Bài báo được đánh máy trên khổ giấy A4 (21 × 29,7cm) có độ dài không quá 8 trang, font Arial, cỡ chữ 10, giãn dòng At least 12pt, Before 3pt, After 3pt; căn lề trên 2.5cm, dưới 2.5cm, trái 3cm, phải 2cm; hình vẽ phải rõ ràng, đủ nét và được định dạng dưới dạng file ảnh (*.jpg); Phương trình, công thức phải soạn thảo bằng Mathtype hoặc Equation; Phần nội dung bài báo được chia thành 02 cột, khoảng cách cột là 1cm; Trong trường hợp hình vẽ, hình ảnh có kích thước lớn, bảng biểu có độ rộng lớn hoặc công thức, phương trình dài thì cho phép trình bày dưới dạng 01 cột.
11. Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo thứ tự tài liệu được trích dẫn trong bài báo.

    - Nếu là sách/luận án: Tên tác giả (năm), Tên sách/luận án/luận văn, Nhà xuất bản/Trường/Viện, lần xuất bản/tái bản.

    - Nếu là bài báo/báo cáo khoa học: Tên tác giả (năm), Tên bài báo/báo cáo, Tạp chí/Hội nghị/Hội thảo, Tập/Kỷ yếu, số, trang.

    - Nếu là trang web: Phải trích dẫn đầy đủ tên website và đường link, ngày cập nhật.
12. Định dạng mẫu bài báo tham khảo tại địa chỉ http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/news/detail/198/format_paper

    Bài báo sau khi xuất bản sẽ được công bố trên http://tapchikhcn.saodo.edu.vn.

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ

Phòng 203, Tầng 2, Nhà B1, Trường Đại học Sao Đỏ.

Địa chỉ: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, KDC Thái Học 2, P. Chu Văn An, TP. Hải Phòng.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: http://tapchikhcn.saodo.edu.vn

Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ:
- **Số 1:** Số 76, đường Nguyễn Thị Duệ, KDC Thái Học 2, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.
- **Số 2:** Số 72, đường Nguyễn Thái Học, quốc lộ 37, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.
- **Điện thoại:** (0220) 3882 269 **Fax:** (0220) 3882 921 **Website:** http://saodo.edu.vn **Email:** info@saodo.edu.vn

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

Số 4 (92)
2025

Địa chỉ Tòa soạn:
Trường Đại học Sao Đỏ
Số 76, đường Nguyễn Thị Duệ, KDC Thái Học 2, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.
Website: http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.